

## **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 26/6/2026 của  
Thành ủy Hà Nội thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của  
Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022  
của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân,  
nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Chương trình hành động số 14-CTr/TU ngày 26/6/2026 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030 như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp tại Chương trình hành động số 14-CTr/TU của Thành ủy Hà Nội thành các nhiệm vụ cụ thể thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố; xác định rõ nội dung trọng tâm, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ, sản phẩm đầu ra và cơ chế theo dõi, đánh giá trong giai đoạn 2026-2030.

- Tạo chuyển biến thực chất trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn Thủ đô theo hướng sinh thái, hiện đại, đa giá trị, phát thải thấp và bền vững; gắn phát triển nông nghiệp với phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, bảo vệ môi trường, bảo tồn văn hóa làng xã, làng nghề và nâng cao chất lượng sống của người dân nông thôn.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong bối cảnh vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; phát huy vai trò chủ thể của nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và chính quyền cơ sở; huy động, lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội để thực hiện các mục tiêu đến năm 2030, tạo nền tảng thực hiện tầm nhìn đến năm 2045.

## 2. Yêu cầu

- Bám sát Kết luận số 219-KL/TW, Nghị quyết số 85/NQ-CP và Chương trình hành động số 14-CTr/TU; bảo đảm thống nhất với quy hoạch Thủ đô, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn, các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án chuyên ngành của Thành phố.

- Nhiệm vụ phải cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện phát triển mới của Thủ đô sau sắp xếp đơn vị hành chính; tránh dàn trải, hình thức; ưu tiên những nhiệm vụ có tác động trực tiếp đến tổ chức lại sản xuất, nâng cao thu nhập, cải thiện môi trường, hoàn thiện hạ tầng và xây dựng nông thôn mới hiện đại.

- Phân công rõ trách nhiệm giữa các sở, ban, ngành Thành phố và UBND các xã, phường; bảo đảm nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”; tăng cường phân cấp, ủy quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình.

- Lấy người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư nông thôn làm trung tâm; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong tuyên truyền, vận động, giám sát và phản biện xã hội.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật tình hình thực tiễn, kịp thời tháo gỡ khó khăn; thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá định kỳ; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả trong huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực.

## II. MỤC TIÊU

### 1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn Thủ đô theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp đô thị hiện đại, ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và giá trị gia tăng cao; chuyển mạnh từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp đa giá trị; tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn với công nghiệp chế biến, thương mại, dịch vụ, xây dựng thương hiệu và du lịch nông thôn.

- Xây dựng nông thôn Hà Nội trở thành không gian sống xanh, văn minh, hiện đại, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, môi trường sinh thái được bảo vệ, bản sắc văn hóa truyền thống được gìn giữ và phát huy; đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn không ngừng được nâng cao.

- Phát triển đội ngũ nông dân Thủ đô văn minh, chuyên nghiệp, có trình độ, có năng lực tiếp cận khoa học - công nghệ và kinh tế thị trường; từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, đa dạng hóa sinh kế, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống.

- Xây dựng Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo về nông nghiệp đô thị, trung tâm chế biến, thương mại và logistics nông sản của vùng Thủ đô và miền Bắc, góp phần quan trọng bảo đảm an ninh lương thực, an toàn thực phẩm và phát triển bền vững.

## 2. Mục tiêu đến năm 2030

- Phát triển nông nghiệp Thủ đô theo hướng chuỗi giá trị cao, bền vững, an toàn vệ sinh thực phẩm, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và thích ứng với biến đổi khí hậu; phấn đấu tốc độ tăng trưởng GRDP nông, lâm, thủy sản đạt bình quân từ 3,9-4,0%/năm.

- Chú trọng phát triển các mô hình nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, tuần hoàn, phát thải thấp; nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường gắn với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng. Hình thành các khu, cụm, trung tâm chế biến, bảo quản và logistics nông sản; nâng cấp chợ đầu mối, xây dựng kho trung chuyển ngoại ô, cải thiện hệ thống logistics, bảo đảm kết nối thông suốt giữa sản xuất, thu hoạch, chế biến và tiêu thụ.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); phấn đấu đến năm 2030, Thành phố đánh giá, phân hạng thêm từ 2.000 sản phẩm OCOP trở lên, trong đó tỷ lệ sản phẩm 5 sao và tiềm năng 5 sao đạt khoảng 2%; xây dựng Đề án phát triển sản phẩm quà tặng thành phố Hà Nội; Đề án Trung tâm thiết kế sáng tạo và giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề gắn với du lịch thành phố Hà Nội.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các tiêu chí về y tế, giáo dục, văn hóa, môi trường, chuyển đổi số, an ninh trật tự và thu nhập. Phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới và khoảng 20% số xã đạt nông thôn mới hiện đại, phù hợp với điều kiện phát triển và không gian quản lý mới của Thành phố sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- Hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn được đầu tư đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và nâng cao chất lượng sống; tiếp tục duy trì, bảo tồn và phát triển làng nghề, văn hóa truyền thống gắn với du lịch nông thôn, sinh thái và trải nghiệm. Quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm, vùng chăn nuôi phù hợp với đặc điểm từng địa phương gắn với xử lý nước thải, cải tạo đất, xử lý nguồn phát thải gây ô nhiễm nguồn nước, đất và không khí. Ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong dự báo thời tiết và rủi ro mùa vụ; hướng đến mục tiêu tự chủ trong các lĩnh vực cốt lõi như giống cây trồng, vật tư nông nghiệp và thiết bị thông minh phục vụ sản xuất.

- Phấn đấu đến năm 2030, thu nhập bình quân của người dân khu vực nông thôn Thủ đô đạt từ 135 triệu đồng/người/năm trở lên; tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt từ 95% trở lên; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, trong đó tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 60%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

- Hằng năm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật số, thương mại điện tử, quản trị kinh doanh, kinh tế hợp tác, khởi nghiệp và chuyển đổi sinh kế cho cán bộ hợp tác xã, chủ trang trại, chủ thể OCOP, nghệ nhân làng nghề và nông dân sản xuất hàng hóa; phấn đấu trên 70% nông dân sản xuất hàng hóa thường xuyên được tiếp cận các chương trình tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật.

- Hệ thống chính trị cơ sở được củng cố vững mạnh; kết hợp chặt chẽ phát triển nông nghiệp, nông thôn với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc từ cơ sở; phát huy vai trò chủ thể của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn Thủ đô.

### **3. Tầm nhìn đến năm 2045**

- Phân đầu đưa ngành nông nghiệp Thủ đô phát triển hiện đại, bền vững, trở thành một trong những địa phương đi đầu cả nước về nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp đô thị, gắn với công nghiệp chế biến nông sản hiện đại, hiệu quả, thân thiện với môi trường. Các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Thành phố được xây dựng thương hiệu mạnh, phát triển theo chuỗi giá trị hoàn chỉnh, từng bước mở rộng thị trường và hướng tới xuất khẩu.

- Nông thôn Thủ đô không còn hộ nghèo, trở thành “miền quê đáng sống”, văn minh, xanh, sạch, đẹp, an toàn; điều kiện sống và thu nhập của người dân nông thôn tiệm cận, kết nối chặt chẽ và hài hòa với đô thị, đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc không gian phát triển bền vững của Thủ đô.

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng GRDP nông, lâm, thủy sản đạt bình quân từ 4,0%/năm trở lên; Chương trình OCOP phát triển theo chiều sâu, chú trọng chất lượng, thương hiệu và khả năng cạnh tranh; có nhiều sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao, có mặt ổn định trên thị trường trong nước và quốc tế; 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt nông thôn mới hiện đại, phù hợp với không gian phát triển và mô hình quản lý mới của Thành phố.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn đạt trên 400 triệu đồng/người/năm; giáo dục nghề nghiệp Thủ đô phát triển toàn diện, đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ năng cao của thị trường lao động, đi đầu cả nước trong đổi mới giáo dục nghề nghiệp, tiệm cận trình độ tiên tiến của ASEAN, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số ngành, nghề trọng điểm. Duy trì tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên đạt từ 95% trở lên, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%; hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

### **1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

- Tổ chức quán triệt sâu rộng Kết luận số 219-KL/TW, Nghị quyết số 85/NQ-CP, Chương trình hành động số 14-CTr/TU và Kế hoạch này đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ thể OCOP, nghệ nhân làng nghề, nông dân sản xuất hàng hóa và các tầng lớp Nhân dân. Việc tuyên truyền cần đi vào các nội dung cụ thể như tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới hiện đại, phát triển OCOP, làng nghề và du lịch nông thôn.

- Xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu, có thể sử dụng tại xã, thôn, tổ dân phố, hợp tác xã, hội nghề nghiệp và các lớp tập huấn; định kỳ hằng

năm tổ chức chuyên trang, chuyên mục, tọa đàm, diễn đàn đối thoại về nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế hợp tác, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Đổi mới phương thức truyền thông theo hướng kết hợp giữa báo chí, hệ thống thông tin cơ sở, nền tảng số, mạng xã hội, sinh hoạt chi bộ, hội nghị, tập huấn, sinh hoạt hội nông dân và đối thoại trực tiếp với người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã. Nội dung tuyên truyền cần làm rõ yêu cầu chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp đơn thuần sang tư duy kinh tế nông nghiệp đa giá trị, tích hợp với công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ.

- Nội dung tuyên truyền cần gắn với trách nhiệm cụ thể của từng cấp, từng ngành, từng chủ thể trong tổ chức thực hiện; tránh hình thức, chung chung, bảo đảm tuyên truyền đi đôi với hành động, mô hình cụ thể và kết quả thực chất tại cơ sở.

- Lòng ghép tuyên truyền về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và số hóa dữ liệu về đất đai, cây trồng, vật nuôi, dịch bệnh, thị trường để phục vụ dự báo, điều tiết sản xuất, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc và kết nối tiêu thụ sản phẩm.

- Kịp thời phát hiện, biểu dương, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay trong phát triển vùng sản xuất tập trung, liên kết chuỗi, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn, xử lý môi trường làng nghề, xây dựng nông thôn mới hiện đại, phát triển OCOP, du lịch nông thôn và chuyển đổi sinh kế cho nông dân.

- Tăng cường đấu tranh, phản bác thông tin sai lệch, nhận thức lệch lạc về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong bối cảnh đô thị hóa; tạo sự đồng thuận xã hội đối với các chủ trương tích tụ, tập trung đất đai theo quy định, di dời cơ sở gây ô nhiễm, tổ chức lại sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển vùng sản xuất tập trung và bảo vệ không gian xanh của Thủ đô.

- Tăng cường hỗ trợ xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề và sản phẩm đặc trưng của vùng đồng bào dân tộc thiểu số; gắn tuyên truyền với nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa khu vực đô thị và nông thôn.

## **2. Phát triển nền nông nghiệp Thủ đô theo hướng sinh thái, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, có giá trị gia tăng cao**

### ***2.1. Tổ chức lại không gian sản xuất nông nghiệp theo vùng sinh thái, chuỗi giá trị và không gian phát triển mới***

- Rà soát, cập nhật hiện trạng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất bãi ven sông, vùng chăn nuôi, vùng thủy sản, làng nghề, vùng nguyên liệu, vùng có nguy cơ ô nhiễm và các công trình hạ tầng phục vụ sản xuất trên địa bàn các xã, phường; xây dựng bản đồ số phục vụ quản lý, điều hành và đề xuất điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kế hoạch đầu tư hạ tầng phù hợp.

- Tổ chức sản xuất theo 3 nhóm không gian chính: khu vực đồi gò phát triển cây ăn quả, chè, cây dược liệu, kinh tế dưới tán rừng, chăn nuôi tập trung, du lịch

sinh thái và trải nghiệm; khu vực đồng bằng phát triển lúa chất lượng cao, rau an toàn, hoa cây cảnh, chăn nuôi gia cầm, thủy sản, nông nghiệp đô thị; khu vực bãi ven sông phát triển rau đậu thực phẩm, cây ăn quả, hoa cây cảnh, cây công trình, chăn nuôi trang trại, nuôi thủy sản lồng bè, dịch vụ trải nghiệm gắn với bảo vệ hành lang thoát lũ, vành đai xanh và cảnh quan sông.

- Việc tổ chức lại không gian sản xuất cần gắn với mục tiêu nâng cao chất lượng tăng trưởng, hiệu quả sử dụng đất, nước và tài nguyên, tạo nền tảng duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP nông, lâm, thủy sản bình quân 3,9-4,0%/năm; đồng thời bảo đảm an toàn thực phẩm và đáp ứng tiêu chuẩn hàng hóa cụ thể đối với thị trường Thủ đô, vùng lân cận và thị trường xuất khẩu.

- Đối với các vùng sản xuất chuyên canh đã hình thành, tiếp tục rà soát quy mô, hạ tầng, chủ thể liên kết, thị trường tiêu thụ và yêu cầu môi trường để lựa chọn vùng trọng điểm đầu tư giai đoạn 2026-2030; ưu tiên vùng có khả năng tạo sản phẩm hàng hóa lớn, có sản phẩm OCOP, có hợp tác xã hoặc doanh nghiệp đầu mối, có điều kiện truy xuất nguồn gốc và kết nối với chế biến, logistics, du lịch.

- Khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai theo quy định, thuê quyền sử dụng đất, góp quyền sử dụng đất vào hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp để hình thành vùng sản xuất tập trung; đồng thời bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất, không để phát sinh khiếu kiện, tranh chấp, lãng phí đất nông nghiệp.

- Gắn quy hoạch vùng trồng, vùng chăn nuôi, vùng thủy sản, vùng nguyên liệu với hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước, điểm thu gom - sơ chế - xử lý chất thải và hệ thống dịch vụ hỗ trợ sản xuất; khuyến khích hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp với sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, viện nghiên cứu, trường đại học và người sản xuất.

## ***2.2. Phát triển trồng trọt theo hướng chất lượng cao, an toàn, hữu cơ, cảnh quan và đa giá trị***

- Tiếp tục cơ cấu lại trồng trọt theo hướng giảm diện tích lúa hiệu quả thấp, ổn định diện tích lúa chất lượng cao tại các vùng có điều kiện phù hợp; mở rộng rau an toàn, rau hữu cơ, cây ăn quả đặc sản, hoa cây cảnh, cây dược liệu, cây công trình và các mô hình nông nghiệp cảnh quan, nông nghiệp trải nghiệm gắn với du lịch.

- Đối với lúa, tập trung phát triển giống chất lượng cao, Japonica, lúa đặc sản, lúa hữu cơ tại các vùng trọng điểm; thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, gieo cấy tiết kiệm vật tư, giảm phát thải, quản lý dịch hại tổng hợp, sử dụng phân bón hữu cơ và rơm rạ theo hướng tuần hoàn; tăng cường liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở chế biến.

- Đối với rau an toàn, rau hữu cơ và cây thực phẩm, ưu tiên phát triển vùng sản xuất ven đô, vùng bãi ven sông và các khu vực có điều kiện tưới tiêu, giao thông, thị trường thuận lợi; áp dụng VietGAP, hữu cơ, tiêu chuẩn tương đương, hệ thống bảo đảm có sự tham gia, truy xuất nguồn gốc, mã số vùng trồng, giám sát an toàn thực phẩm và kết nối thương mại điện tử.

- Đối với cây ăn quả, hoa, cây cảnh, chè, cây dược liệu, tập trung vào các sản phẩm đặc trưng, có lợi thế của Thủ đô như bưởi Diễn, nhãn chín muộn, chuối, ổi, cam, hoa cây cảnh, chè, cây dược liệu; khuyến khích phát triển vùng sản xuất kết hợp điểm tham quan, trải nghiệm, giáo dục nông nghiệp, dịch vụ cảnh quan và du lịch nông thôn.

- Xây dựng, duy trì và mở rộng mã số vùng trồng, vùng sản xuất an toàn, vùng sản xuất hữu cơ; số hóa nhật ký sản xuất, quản lý vật tư đầu vào, kiểm soát dư lượng, truy xuất nguồn gốc, cấp mã QR, kết nối với hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm và các sàn thương mại điện tử của Thành phố.

### ***2.3. Phát triển chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học, tuần hoàn và kiểm soát môi trường***

- Tổ chức lại chăn nuôi theo hướng giảm dần chăn nuôi nhỏ lẻ trong khu dân cư, phát triển trang trại, cơ sở chăn nuôi tập trung, chăn nuôi công nghệ cao, chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, tuần hoàn và thân thiện với môi trường; ưu tiên các khu vực đủ điều kiện về đất đai, khoảng cách an toàn, xử lý chất thải, giao thông và kết nối thị trường.

- Rà soát, xác định và tổ chức thực hiện quy định về khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn Thành phố; xây dựng lộ trình, cơ chế hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi, bảo đảm phù hợp với quy hoạch, điều kiện thực tế, yêu cầu phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Phát triển các sản phẩm chăn nuôi chủ lực gồm lợn, gia cầm, bò sữa, bò thịt, vật nuôi đặc sản theo hướng giống chất lượng cao, quản lý dịch bệnh, an toàn thực phẩm, liên kết với giết mổ tập trung, sơ chế, chế biến, kho lạnh và tiêu thụ qua hệ thống phân phối hiện đại.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung, cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm chăn nuôi; kiểm soát chặt chẽ hoạt động giết mổ nhỏ lẻ, vận chuyển, kinh doanh động vật và sản phẩm động vật; tăng cường truy xuất nguồn gốc, kiểm dịch, kiểm soát vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chăn nuôi, bản đồ dịch tễ, bản đồ cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ và điểm nguy cơ ô nhiễm; ứng dụng công nghệ trong giám sát dịch bệnh, dự báo thị trường, quản lý chất thải, sử dụng phụ phẩm nông nghiệp và chất thải chăn nuôi để sản xuất phân hữu cơ, khí sinh học, năng lượng tái tạo phù hợp.

### ***2.4. Phát triển thủy sản theo hướng hiệu quả, sinh thái, an toàn và gắn với cảnh quan mặt nước***

- Rà soát vùng trũng, vùng chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả, ao hồ, mặt nước có khả năng phát triển thủy sản để tổ chức lại vùng nuôi tập trung theo hướng an toàn, kiểm soát môi trường, kiểm soát dịch bệnh, bảo đảm kết nối hạ tầng giao thông, thủy lợi và tiêu thụ sản phẩm.

- Ưu tiên các đối tượng thủy sản có lợi thế, giá trị hàng hóa cao, phù hợp với điều kiện sinh thái của Hà Nội như cá chép, cá rô phi, thủy đặc sản; phát triển mô

hình nuôi VietGAP, hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn, ứng dụng chế phẩm sinh học, thiết bị quan trắc môi trường nước, cơ giới hóa khâu chăm sóc và quản lý ao nuôi.

- Kết hợp phát triển thủy sản với bảo vệ nguồn lợi thủy sản tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, cải tạo cảnh quan hồ, ao, vùng trũng, mặt nước ven sông; khuyến khích mô hình nuôi thủy sản kết hợp du lịch trải nghiệm, giáo dục môi trường, dịch vụ sinh thái phù hợp với quy định về đề điều, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường.

## ***2.5. Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, cây xanh, kinh tế dưới tán rừng và dịch vụ sinh thái***

- Quản lý, bảo vệ, phục hồi và nâng cao chất lượng diện tích rừng hiện có; phát triển rừng sản xuất, rừng cảnh quan, cây xanh nông thôn, cây phân tán phù hợp với quy hoạch, điều kiện sinh thái và yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu của Thủ đô.

- Đẩy mạnh trồng cây được liệu dưới tán rừng, phát triển lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ môi trường rừng, du lịch sinh thái, giáo dục môi trường; khuyến khích cộng đồng dân cư, hợp tác xã, hộ gia đình tham gia quản lý, bảo vệ, sử dụng rừng và đất rừng theo quy định, gắn bảo vệ rừng với tạo sinh kế bền vững.

- Rà soát, chuẩn hóa dữ liệu rừng và đất lâm nghiệp; xác định mốc giới, chủ quản lý, hiện trạng sử dụng; tăng cường phòng cháy, chữa cháy rừng; số hóa cơ sở dữ liệu phục vụ giám sát, cảnh báo sớm và điều hành phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ rừng.

## ***2.6. Phát triển chế biến, logistics, thương mại, OCOP và thị trường nông sản***

- Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế đầu tư vào chế biến sâu, bảo quản sau thu hoạch, kho lạnh, trung tâm phân loại, đóng gói, logistics nông sản gắn với vùng nguyên liệu; ưu tiên các sản phẩm rau, quả, hoa, cây cảnh, sản phẩm chăn nuôi, thủy sản, sản phẩm OCOP, làng nghề và sản phẩm đặc sản của Thủ đô.

- Nâng cấp, tổ chức lại hệ thống chợ đầu mối, chợ dân sinh, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, trung tâm phân phối, kho trung chuyển ngoại ô; tăng cường kiểm soát chất lượng, nguồn gốc, vệ sinh an toàn thực phẩm; kết nối với siêu thị, trung tâm thương mại, bếp ăn tập thể, trường học, bệnh viện, sàn thương mại điện tử và các kênh bán hàng số.

- Triển khai Chương trình OCOP theo chiều sâu, chú trọng chất lượng, thiết kế, bao bì, câu chuyện sản phẩm, tiêu chuẩn hóa, chứng nhận, bảo hộ sở hữu trí tuệ, thương hiệu, năng lực quản trị chủ thể OCOP và mở rộng thị trường; ưu tiên sản phẩm gắn với làng nghề, du lịch, văn hóa, nông nghiệp sinh thái và sản phẩm đặc trưng của từng vùng.

- Xây dựng Đề án phát triển sản phẩm quà tặng thành phố Hà Nội; Đề án Trung tâm thiết kế sáng tạo và giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề gắn với du lịch thành phố Hà Nội; đồng thời phát triển các trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch; phát triển các điểm giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP tại các xã, phường, làng nghề, vùng sản xuất, khu du lịch, trung tâm thương mại; tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế.

- Trung tâm thiết kế sáng tạo và giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP cần được định hướng là không gian ươm mầm tài năng thiết kế sáng tạo, phát triển hình ảnh, câu chuyện sản phẩm, con người và sản vật Hà Nội; là nơi trưng bày, quảng bá, kết nối giao thương sản phẩm OCOP, đặc sản vùng miền của Hà Nội với cả nước và bạn bè quốc tế, đồng thời tổ chức các sự kiện lớn, giao lưu văn hóa vùng miền trong nước và quốc tế.

- Quy hoạch và phát triển thương hiệu các sản phẩm, mặt hàng chiến lược, sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, sản phẩm quà tặng có giá trị cao của từng vùng, từng nhóm sản phẩm; tăng cường xác lập, quản lý, bảo vệ, định giá, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ; gắn phát triển tài sản trí tuệ với tiêu chuẩn chất lượng, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số, thương mại điện tử, xúc tiến thương mại, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm, phát triển bền vững chuỗi giá trị nông sản.

### **3. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và phát huy vai trò chủ thể của nông dân**

- Xây dựng đội ngũ nông dân Thủ đô văn minh, tri thức, chuyên nghiệp, có tay nghề, kỹ năng số, tư duy kinh doanh, năng lực hợp tác, khả năng thích ứng với thị trường, biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế; coi nông dân là chủ thể trung tâm trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Hằng năm tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn theo nhu cầu thực tế cho nông dân, cán bộ hợp tác xã, chủ trang trại, tổ hợp tác, chủ thể OCOP, nghệ nhân và cơ sở làng nghề về kỹ thuật sản xuất, an toàn thực phẩm, chuyển đổi số, thương mại điện tử, quản trị kinh doanh, kế toán hợp tác xã, truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu và kỹ năng tiếp cận thị trường.

- Đổi mới đào tạo nghề cho lao động nông thôn và lao động nghèo khu vực đô thị theo hướng gắn với việc làm, chuyển đổi sinh kế, khởi nghiệp, dịch vụ nông nghiệp, du lịch nông thôn, làng nghề, thương mại điện tử, logistics nông sản, chế biến thực phẩm, dịch vụ chăm sóc cảnh quan, môi trường nông thôn và các nghề phi nông nghiệp có nhu cầu cao.

- Phát triển thị trường lao động khu vực nông thôn hiện đại, linh hoạt, đồng bộ; xây dựng cơ sở dữ liệu cung - cầu lao động cấp xã; tăng cường giao dịch việc làm, kết nối đào tạo - tuyển dụng - việc làm; hỗ trợ nông dân, lao động nông thôn chuyển dịch sang khu vực công nghiệp, dịch vụ nhưng vẫn duy trì sinh kế nông nghiệp, kinh tế hộ và kinh tế hợp tác phù hợp.

- Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ và liên tỉnh; ưu tiên hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm bền vững cho lao động khu vực nông thôn, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và nhóm dễ bị tổn thương.

- Đào tạo nguồn nhân lực phát triển nông nghiệp, nông thôn phải gắn với quá trình đô thị hóa thực chất, hiệu quả, bền vững, đi vào chiều sâu; lấy người dân nông thôn làm chủ thể, tạo chuyển biến rõ nét về chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và năng lực thích ứng của người dân.

- Cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn thông qua phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nâng cao thu nhập, mở rộng tiếp cận y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, thông tin, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện, nước sạch, vệ sinh môi trường và các dịch vụ công thiết yếu.

- Phát huy dân chủ cơ sở theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng; tạo điều kiện để người dân tham gia lập kế hoạch, triển khai, quản lý, vận hành, giám sát các công trình hạ tầng, mô hình sản xuất, dự án môi trường và các tiêu chí nông thôn mới tại địa phương.

#### **4. Xây dựng nông thôn mới văn minh, hiện đại theo hướng phát triển đô thị; bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa truyền thống**

- Xây dựng, ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2026-2030, bảo đảm phù hợp với Bộ tiêu chí quốc gia và đặc thù Thủ đô; trong đó chú trọng các nội dung chất lượng sống, thu nhập, môi trường, chuyển đổi số, văn hóa, cảnh quan, an ninh trật tự, quản trị cơ sở, dịch vụ công, liên kết sản xuất và khả năng thích ứng với đô thị hóa.

- Nghiên cứu, xây dựng Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại của Thành phố trên cơ sở khung thí điểm do Trung ương ban hành, phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn Thủ đô trong điều kiện đô thị hóa nhanh, chính quyền địa phương 2 cấp và không gian xã mới có quy mô lớn hơn trước đây.

- Tổ chức rà soát toàn bộ các xã theo bộ tiêu chí mới, phân nhóm xã theo mức độ đạt chuẩn, khả năng hoàn thành tiêu chí, nhu cầu đầu tư và đặc điểm vùng; xây dựng lộ trình cụ thể để đến năm 2030 có khoảng 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới và 20% số xã đạt nông thôn mới hiện đại. Việc lựa chọn xã phấn đấu đạt chuẩn phải gắn với khả năng hoàn thành thực chất, không chạy theo danh hiệu.

- Lồng ghép Kế hoạch này với Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn Thành phố; ưu tiên địa bàn khó khăn, khu vực đồng bào dân tộc thiểu số, vùng chuyển tiếp đô thị - nông thôn, vùng làng nghề có vấn đề môi trường.

- Xây dựng nông thôn mới phải gắn với bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của từng vùng, từng địa phương; giữ gìn không gian văn hóa làng xã, đình, chùa, di tích, lễ hội, nghề truyền thống, tri thức dân gian, cảnh quan nông thôn, cây xanh, mặt nước, đường làng, ngõ xóm; hạn chế phá vỡ cấu trúc, bản sắc làng quê trong quá trình đô thị hóa.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và công năng sử dụng của hệ thống nhà văn hóa - khu thể thao thôn, tổ dân phố; đưa các hoạt động văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp và quần chúng về cơ sở, góp phần thu hẹp khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa khu vực đô thị và nông thôn. Ưu tiên các xã miền núi, khu vực còn khó khăn trong tiếp cận và thụ hưởng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa; gắn tổ chức hoạt động văn hóa với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng dân cư.

- Phát triển du lịch nông thôn, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch làng nghề và du lịch trải nghiệm theo hướng có sản phẩm cụ thể, có tuyến điểm, có chủ thể vận hành, có liên kết với doanh nghiệp lữ hành, có dịch vụ phụ trợ, có bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy và bảo tồn bản sắc cộng đồng.

- Tập trung nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt, nhất là tiêu chí thu nhập, tổ chức sản xuất, môi trường, nước sạch, y tế, giáo dục, văn hóa, an ninh trật tự và hệ thống chính trị; xây dựng cơ chế duy trì, đánh giá sau công nhận, tránh tình trạng đạt chuẩn nhưng chất lượng tiêu chí không bền vững.

- Xây dựng nông thôn mới hiện đại phải thể hiện rõ sự nâng cấp về chất lượng phát triển, không chỉ ở hạ tầng mà còn ở năng lực phát triển kinh tế, tổ chức đời sống xã hội, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, cảnh quan, môi trường, ứng dụng chuyển đổi số và hiệu quả quản trị ở cơ sở; góp phần hình thành các mô hình nông thôn phát triển hài hòa với đô thị, có bản sắc riêng, đáng sống và bền vững.

## **5. Phát triển nông thôn Thủ đô văn minh, hiện đại; cải thiện nhanh điều kiện sinh sống ở các vùng nông thôn**

- Tập trung phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị; ưu tiên hạ tầng giao thông liên xã, giao thông nội đồng, thủy lợi, đê điều, cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, xử lý rác thải, điện, thông tin - truyền thông, hạ tầng số, y tế cơ sở, trường học, thiết chế văn hóa và thể thao.

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống dân cư nông thôn, bao gồm không gian phát triển làng nghề, không gian sản xuất nông nghiệp tập trung, không gian kết nối giao thương như trung tâm thương mại, chợ đầu mối, chợ dân sinh, điểm giới thiệu sản phẩm, hạ tầng số và các dịch vụ công cơ bản.

- Phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng giáo dục tại khu vực nông thôn, bảo đảm con em nông dân được tiếp cận đầy đủ, bình đẳng với chương trình và dịch vụ giáo dục có chất lượng; đẩy mạnh chuyển đổi số, giáo dục STEM, hướng nghiệp, giáo dục bảo vệ môi trường, kỹ năng số và kỹ năng thích ứng với thị trường lao động; lồng ghép với đào tạo nghề, thương mại điện tử, quản lý sản xuất và tiếp cận thị trường cho nông dân, lao động nông thôn.

- Đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tại khu vực nông thôn để nông dân được tiếp cận hệ thống y tế đầy đủ, hiện đại, tại chỗ; nghiên cứu mô hình liên kết giữa trạm y tế và bệnh viện để nâng cao năng lực khám, chữa bệnh tại cơ sở; kêu gọi doanh nghiệp tham gia phát triển dịch vụ y tế, chăm sóc người cao tuổi ở khu vực nông thôn.

- Rà soát nhu cầu đầu tư hạ tầng của từng xã theo nhóm tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại và nhu cầu phát triển sản xuất; lập danh mục công trình ưu tiên theo nguyên tắc công trình cấp thiết, có khả năng hoàn thành trong giai đoạn 2026-2030, có tác động trực tiếp đến sản xuất, môi trường, đời sống người dân và khả năng duy trì tiêu chí.

- Nâng cấp hạ tầng phục vụ vùng sản xuất tập trung, làng nghề, OCOP, du lịch nông thôn, bao gồm đường vào vùng sản xuất, điện phục vụ sản xuất, hệ thống tưới tiêu, điểm tập kết, sơ chế, đóng gói, kho lạnh, điểm giới thiệu sản phẩm, bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng, thu gom và xử lý chất thải.

- Tăng cường quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng hạ tầng nông thôn sau đầu tư; phân định rõ trách nhiệm quản lý công trình giữa cấp Thành phố, cấp xã, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã và cộng đồng dân cư; phát huy vai trò giám sát của người dân trong quá trình đầu tư, vận hành và bảo vệ công trình.

- Tăng cường theo dõi, đánh giá tình hình quản lý, khai thác và hoạt động bền vững của các công trình cấp nước sạch tập trung; cập nhật bộ chỉ số, giám sát chất lượng nước sạch nông thôn; kịp thời đề xuất giải pháp bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục, ổn định và đáp ứng quy chuẩn.

- Cải thiện môi trường sống khu vực nông thôn thông qua chỉnh trang đường làng, ngõ xóm, chiếu sáng, cây xanh, mặt nước, thu gom rác thải, phân loại rác tại nguồn, xử lý nước thải sinh hoạt, xóa bỏ điểm ô nhiễm tồn lưu, xây dựng mô hình thôn, xóm, cụm dân cư sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn.

- Lồng ghép đầu tư hạ tầng nông thôn với phát triển đô thị vệ tinh, đô thị sinh thái, vành đai xanh, hành lang sông, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu dịch vụ; bảo đảm nông thôn Thủ đô phát triển hài hòa với đô thị, không bị tụt hậu về hạ tầng và dịch vụ cơ bản.

## **6. Hoàn thiện cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống cơ chế, chính sách của Thành phố về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo hướng đồng bộ, khả thi, dễ thực hiện ở cấp xã, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và yêu cầu phân cấp, phân quyền.

- Tập trung hoàn thiện chính sách về đất đai, tích tụ, tập trung đất nông nghiệp; hỗ trợ vùng sản xuất tập trung, chuyển đổi cây trồng, vật nuôi; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn; tín dụng, bảo hiểm nông nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; phát triển làng nghề, OCOP, du lịch nông thôn và kinh tế dưới tán rừng.

- Rà soát, cụ thể hóa quy trình, đơn giản hóa thủ tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa và các diện tích sản xuất nông nghiệp hiệu quả thấp theo quy định; tạo điều kiện để chính quyền cấp xã chủ động hướng dẫn, giải quyết các trường hợp chuyển đổi phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều kiện nguồn nước, thị trường và đặc điểm sinh thái từng vùng; khuyến khích phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn gắn với thương mại, du lịch trải nghiệm và du lịch cộng đồng.

- Hoàn thiện chính sách bảo tồn và phát triển làng nghề theo hướng ưu tiên các xã có làng nghề, sản phẩm OCOP phát triển thành Trung tâm không gian sản xuất - trưng bày - tiêu thụ - trải nghiệm gắn với du lịch nông thôn; chú trọng vinh danh nghệ nhân, truyền nghề, phát triển thương hiệu làng nghề, thương hiệu sản phẩm nông sản chủ lực, nông sản đặc sản của Thủ đô.

- Rà soát chính sách hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác, liên kết chuỗi, dịch vụ công trong nông nghiệp; nghiên cứu cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc khoán dịch vụ phù hợp cho hợp tác xã trong cung ứng dịch vụ thủy lợi nhỏ, khuyến nông, môi trường, truy xuất nguồn gốc, quản lý vùng sản xuất, dịch vụ đầu vào - đầu ra.

- Hỗ trợ hình thành hợp tác xã dịch vụ tổng hợp gắn trực tiếp với vùng trồng trọt, vùng nuôi trồng thủy sản, sản phẩm OCOP và làng nghề; phát triển mô hình hợp tác xã cung ứng đồng bộ dịch vụ đầu vào, sơ chế, đóng gói, tiêu thụ, truy xuất nguồn gốc, bảo vệ môi trường, thủy lợi nội đồng và duy tu hạ tầng nhỏ theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc khoán dịch vụ công phù hợp.

- Nghiên cứu chính sách đột phá để thu hút, huy động doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và người dân đầu tư vào nông nghiệp xanh, sinh thái, kinh tế tuần hoàn, chế biến, logistics, hạ tầng vùng sản xuất và các địa bàn chiến lược của Thành phố.

- Đơn giản hóa thủ tục hành chính để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân tham gia đầu tư, liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản; xây dựng hướng dẫn mẫu về hồ sơ liên kết, hợp đồng liên kết, phương án sản xuất, phương án môi trường, thủ tục hỗ trợ chính sách để cấp xã và chủ thể sản xuất dễ thực hiện.

- Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực đa dạng, gồm ngân sách Thành phố, ngân sách cấp xã, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn đầu tư công trung hạn, vốn tín dụng, vốn doanh nghiệp, hợp tác công - tư, nguồn xã hội hóa và đóng góp tự nguyện của người dân theo quy định; ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ cấp bách, có khả năng tạo chuyển biến rõ nét và lan tỏa; các xã có địa bàn rộng, hạ tầng còn thiếu đồng bộ, có khu vực miền núi, vùng khó khăn hoặc tiếp nhận, quản lý diện tích đất từ các nông, lâm trường; bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật.

- Xây dựng chính sách ưu đãi và cơ chế đặc thù thu hút, phát triển nguồn nhân lực nông nghiệp công nghệ cao; bảo đảm điều kiện sống, làm việc thuận lợi cho nhân lực công nghệ cao làm việc tại các khu, vùng, cơ sở nông nghiệp công nghệ cao của Thành phố.

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá trong các lĩnh vực nông nghiệp, môi trường nông thôn, xử lý chất thải, hạ tầng sản xuất, hạ tầng làng nghề, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, làm cơ sở tổ chức thực hiện, đặt hàng dịch vụ công và bố trí nguồn lực.

- Phân định rõ trách nhiệm giữa sở, ban, ngành Thành phố và chính quyền cơ sở trong quản lý nông nghiệp, môi trường, phát triển nông thôn, an toàn thực phẩm, thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai, làng nghề, OCOP, nông thôn mới; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách.

- Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách, phúc lợi xã hội, an sinh xã hội cho người dân nông thôn, đặc biệt là đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, bảo đảm người dân nông thôn được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô.

## **7. Đẩy mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn**

- Triển khai đồng bộ các chủ trương, chính sách của Trung ương và Thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xác định đây là động lực then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nông nghiệp Thủ đô.

- Triển khai đồng bộ, kịp thời, có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; rà soát, cắt giảm các điều kiện, thủ tục hành chính không cần thiết để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

- Tổ chức nghiên cứu khoa học, điều tra, đánh giá và dự báo xu hướng phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái và kinh tế nông thôn; xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ đề xuất, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn của Thành phố.

- Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ giống, nhà màng, nhà lưới, tưới tiết kiệm, cảm biến, tự động hóa, thiết bị bay không người lái, IoT, trí tuệ nhân tạo, viễn thám, GIS, công nghệ bảo quản, chế biến, bao bì thông minh, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm.

- Hình thành cơ sở dữ liệu số ngành nông nghiệp, nông thôn gồm dữ liệu đất nông nghiệp, vùng sản xuất, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, đê điều, rừng, làng nghề, OCOP, hợp tác xã, cơ sở chế biến, chợ đầu mối, môi trường, thiên tai và thị trường; kết nối với hệ thống dữ liệu dùng chung của Trung ương, Thành phố, phục vụ quản lý, điều hành, dự báo, cảnh báo và giám sát chính sách.

- Thúc đẩy số hóa quy trình sản xuất, nhật ký điện tử, cấp mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói, mã truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng sản phẩm OCOP, sổ tay điện tử hợp tác xã, bản đồ vùng sản xuất, bản đồ nguy cơ thiên tai, bản đồ điểm ô nhiễm, bản đồ cơ sở chăn nuôi và giết mổ.

- Khuyến khích doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học, hợp tác xã, chủ trang trại và nông dân tham gia các mô hình thử nghiệm đổi mới sáng tạo; hỗ trợ chuyển giao, nhân rộng công nghệ phù hợp, dễ sử dụng, chi phí hợp lý, có hiệu quả rõ ràng về năng suất, chất lượng, môi trường hoặc giảm chi phí.

- Phát triển năng lực số cho cán bộ quản lý cấp xã, hợp tác xã, chủ thể OCOP và nông dân; xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng ứng dụng số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, quản trị dữ liệu sản xuất, quản lý chất lượng, marketing số và kết nối cung - cầu.

- Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương trong xây dựng, vận hành và khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã và chuỗi giá trị nông sản; tích hợp dữ liệu phục vụ điều hành, giám sát chính sách phát triển hợp tác xã, kinh tế tập thể và liên kết chuỗi giá trị trên địa bàn Thành phố.

- Gắn chuyển đổi số với phát triển thương mại điện tử trong tiêu thụ nông sản, quản lý thương hiệu, kết nối cung - cầu, dự báo thị trường, quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm; hỗ trợ nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp tiếp cận các nền tảng số, dịch vụ số phù hợp, dễ sử dụng, chi phí hợp lý.

- Đổi mới hoạt động khuyến nông theo hướng lấy người sản xuất, hợp tác xã và doanh nghiệp làm trung tâm; chuyển từ chuyển giao kỹ thuật đơn thuần sang tư vấn tổng hợp về tổ chức sản xuất, quản trị kinh doanh, liên kết chuỗi giá trị, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế nông nghiệp. Phát triển khuyến nông số, củng cố mạng lưới khuyến nông cơ sở và tổ khuyến nông cộng đồng; xây dựng, chuyển giao, nhân rộng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu.

## **8. Bảo vệ tài nguyên, môi trường; nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường phòng, chống thiên tai**

- Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, rừng, mặt nước, không gian xanh và các nguồn tài nguyên khác phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững; gắn phát triển sản xuất với bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan, đa dạng sinh học và sức khỏe cộng đồng.

- Rà soát, phân loại các điểm ô nhiễm môi trường tại làng nghề, khu chăn nuôi, cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến nông sản, vùng sản xuất tập trung, ao hồ, kênh mương, điểm tập kết rác thải; xây dựng lộ trình xử lý theo mức độ cấp bách, ưu tiên điểm ô nhiễm ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người dân, nguồn nước, sản xuất và tiêu chí nông thôn mới. Ưu tiên xử lý, hỗ trợ đầu tư hạ tầng môi trường, nước sạch, y tế và cải thiện điều kiện sống tại các địa bàn chịu ảnh hưởng trực tiếp của khu xử lý chất thải tập trung, các điểm ô nhiễm quy mô lớn của Thành phố; có giải pháp phù hợp về giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân theo quy định.

- Tổ chức theo dõi, đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường đất, nước trong hoạt động sản xuất nông nghiệp; xác định, cập nhật các khu vực có nguy cơ ô nhiễm tại vùng trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu môi trường nông nghiệp phục vụ cảnh báo và đề xuất giải pháp phòng ngừa, kiểm soát, khắc phục ô nhiễm.

- Tăng cường thu gom, phân loại, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn; xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải làng nghề, chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp, bao bì thuốc bảo vệ thực vật; khuyến khích mô hình kinh tế tuần hoàn, tái sử dụng phụ phẩm, sản xuất phân hữu cơ, năng lượng sinh học, vật liệu thân thiện môi trường.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng hiện đại, minh bạch, dựa trên dữ liệu và công nghệ số; phát triển hệ thống thông tin thị trường, dự báo cung - cầu, quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và điều tiết sản xuất theo nhu cầu thị trường.

- Lồng ghép các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới; thúc đẩy chuyển đổi cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp; phát triển nông nghiệp sinh

thái, nông nghiệp thông minh, mô hình giảm phát thải khí nhà kính, tiết kiệm nước, tiết kiệm năng lượng.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, thay đổi thói quen sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nông dân, hợp tác xã, cơ sở làng nghề theo hướng sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, giảm nhựa dùng một lần, giảm hóa chất độc hại, sử dụng tiết kiệm tài nguyên và nâng cao trách nhiệm cộng đồng trong bảo vệ môi trường.

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê điều, công trình tiêu thoát nước, phòng chống thiên tai theo hướng hiện đại, đa mục tiêu; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo sớm, phương án ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, nhất là bão, mưa lớn, úng ngập, sạt lở bờ sông, hạn hán.

- Xây dựng, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu thống nhất về đất đai, nước, rừng, nguồn phát thải, điểm ô nhiễm, công trình thủy lợi, đê điều, thiên tai và rủi ro khí hậu để phục vụ quản lý, dự báo, cảnh báo sớm và điều hành phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường ở khu vực nông thôn.

- Nghiên cứu, áp dụng thí điểm cơ chế người gây ô nhiễm phải trả tiền và trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất đối với một số cơ sở sản xuất, chế biến nông sản, làng nghề, khu chăn nuôi tập trung; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm môi trường theo quy định.

## **9. Chủ động hội nhập, mở rộng hợp tác quốc tế trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn**

- Đẩy mạnh hội nhập và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nhằm tranh thủ nguồn lực, tri thức, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề của Thủ đô.

- Tăng cường hợp tác với tổ chức quốc tế, địa phương và đối tác nước ngoài trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp đô thị, kinh tế tuần hoàn, thích ứng biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai.

- Tiếp thu kinh nghiệm quốc tế về tổ chức sản xuất, quản lý chuỗi giá trị, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, thương mại nông sản, phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp tuần hoàn và phát triển nông thôn bền vững để vận dụng phù hợp với điều kiện Thủ đô.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ thể OCOP, cơ sở làng nghề tham gia xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm, kết nối cung - cầu, quảng bá sản phẩm trong và ngoài nước; hướng dẫn nâng cấp tiêu chuẩn, bao bì, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, hồ sơ chất lượng, sở hữu trí tuệ, thương hiệu để từng bước tham gia chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đào tạo nguồn nhân lực nông thôn, đào tạo nghề, kỹ năng số, quản trị hợp tác xã, phát triển du lịch nông thôn, làng nghề và khởi nghiệp; chủ động đăng cai, phối hợp tổ chức diễn đàn, hội nghị, sự kiện quốc tế phù hợp về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn Thủ đô.

- Gắn hợp tác quốc tế với xây dựng hình ảnh Hà Nội là trung tâm đổi mới sáng tạo về nông nghiệp đô thị, nông nghiệp sinh thái, trung tâm quảng bá sản phẩm OCOP, làng nghề, văn hóa nông thôn và sản phẩm đặc trưng vùng miền của cả nước.

#### **10. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội**

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong tổ chức triển khai nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, thường xuyên trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục, chuẩn hóa quy trình, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc; tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã và các chủ thể kinh tế nông thôn tham gia phát triển sản xuất, kinh doanh, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng rõ trách nhiệm, rõ đầu mối, rõ sản phẩm; tăng cường phối hợp liên ngành giữa nông nghiệp và môi trường, tài chính, khoa học - công nghệ, công thương, xây dựng, văn hóa, du lịch, giáo dục, y tế, nội vụ, công an, quốc phòng và chính quyền cơ sở.

- Tăng cường phân cấp, ủy quyền cho cấp xã đối với các nhiệm vụ phù hợp; việc giao nhiệm vụ phải gắn với xác định rõ thẩm quyền, bố trí nguồn lực tài chính, hạ tầng kỹ thuật và nền tảng số dùng chung, hướng dẫn chuyên môn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả, bảo đảm cấp xã có đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ mới trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp.

- Chú trọng bồi dưỡng kiến thức kinh tế nông thôn, OCOP, làng nghề, chuyển đổi số trong nông nghiệp, quản lý môi trường, kỹ năng quản lý dự án, tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý nông nghiệp, nông thôn, nhất là ở cơ sở.

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Liên minh Hợp tác xã, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong tuyên truyền, vận động, tư vấn, hỗ trợ, giám sát, phản biện xã hội và nhân rộng mô hình.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới; kịp thời biểu dương tập thể, cá nhân, hợp tác xã, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư có thành tích; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hằng năm, sơ kết giữa kỳ, tổng kết giai đoạn 2026-2030.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Căn cứ nội dung Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành Thành phố, UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch, chương trình, đề án, dự án cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; lồng ghép với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, đề án chuyên ngành của Thành phố.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường tập trung chỉ đạo, phân công bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch, bảo đảm đúng mục đích, yêu cầu, mục tiêu đã đề ra; kịp thời xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan Thường trực, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đã đề ra, thường xuyên đôn đốc, theo dõi, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch; chủ trì hướng dẫn thống nhất danh mục chỉ tiêu, cơ quan đầu mối cung cấp số liệu, nguồn số liệu, phương pháp xác định, kỳ báo cáo, thời điểm chốt số liệu và trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và UBND các xã, phường, bảo đảm số liệu được cập nhật đầy đủ, thống nhất, có thể kiểm tra, đối chiếu và phục vụ theo dõi, đánh giá hằng năm; định kỳ tổng hợp báo cáo UBND Thành phố kết quả thực hiện trước ngày 25/12 hàng năm; tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện theo quy định.

4. Các sở, ban, ngành, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan, tổ chức có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND các xã, phường triển khai các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực phụ trách; tham mưu bố trí, lồng ghép nguồn lực, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả, tránh chồng chéo.

5. Các cơ quan thông tin, truyền thông của Thành phố tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung Kết luận số 219-KL/TW, Nghị quyết số 85/NQ-CP, Chương trình hành động số 14-CTr/TU của Thành ủy và Kế hoạch này tới cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ thể OCOP, nghệ nhân làng nghề, nông dân và các tầng lớp Nhân dân; kịp thời phản ánh, biểu dương các mô hình tốt, cách làm hay trong phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn Thủ đô.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, Hội Nông dân Thành phố, Liên minh Hợp tác xã Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện Kế hoạch; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, giám sát cộng đồng; kịp thời phản ánh nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của doanh nghiệp, Nhân dân; hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên kết chuỗi giá trị, nâng cao năng lực quản trị, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hội nhập, mở rộng hợp tác trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh các phong trào thi đua, mô hình tự quản, mô hình dân vận khéo trong phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới, tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động để đưa Nghị quyết vào cuộc sống, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra.

7. UBND các xã, phường căn cứ điều kiện thực tế của địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông dân,

nông thôn trên địa bàn; chủ động rà soát nhu cầu, xác định nhiệm vụ ưu tiên, bố trí và lồng ghép nguồn lực theo phân cấp; phối hợp cung cấp, cập nhật số liệu, quản lý, vận hành công trình sau đầu tư, tuyên truyền, vận động và huy động sự tham gia của người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp; kịp thời phản ánh, đề xuất tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

8. Các sở, ban, ngành Thành phố, UBND các xã, phường định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia Thành phố) để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tham mưu sơ kết giữa kỳ vào năm 2028 và tổng kết giai đoạn 2026-2030; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia Thành phố) để tổng hợp báo cáo UBND Thành phố xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Đ/c Bí thư Thành ủy;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Các đ/c Phó Bí thư Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c Ủy viên BTV Thành ủy;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Các ban đảng, Văn phòng Thành ủy;
- Các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH-HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- UBND các phường, xã;
- Cơ quan Báo và PTTH Hà Nội;
- VPUB: CVP, các PCVP, NNMT, ĐT, KGVX, NC, TH, TKBT;
- Lưu: VT, NNMT.

(để  
báo  
cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Duy Cường**

## PHỤ LỤC

### Phụ lục I. Một số chỉ tiêu thực hiện Chương trình hành động số 14-CTr/TU của Thành uỷ đến năm 2030 và năm 2045

(Kèm theo Kế hoạch số 355/KH-UBND ngày 26./...8./2026  
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

| TT | Chỉ tiêu                                                     | Mục tiêu đến năm 2030                      | Mục tiêu đến năm 2045                      | Đơn vị chủ trì                                                                                  |
|----|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Xã đạt chuẩn nông thôn mới                                   | 80%                                        | 100%                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường - Văn phòng Điều phối các Chương trình mục tiêu quốc gia Thành phố |
| 2  | Xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại                          | 20%                                        | 100%                                       |                                                                                                 |
| 3  | Thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới         |                                            | Đạt                                        |                                                                                                 |
| 4  | Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP                            | Có thêm 2.000 sản phẩm (2% sản phẩm 5 sao) | Có thêm 2.000 sản phẩm (5% sản phẩm 5 sao) |                                                                                                 |
| 5  | Cơ bản không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Thành phố      | Đạt                                        | Đạt                                        |                                                                                                 |
| 6  | Tăng trưởng sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng năm   | 3,9-4,0%                                   | 4,0%                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường                                                                    |
| 7  | Thu nhập bình quân đầu người của người dân khu vực nông thôn | 135 triệu đồng/người/năm                   | 400 triệu đồng/người/năm                   | Thống kê Thành phố                                                                              |
| 8  | Tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên                      | $\geq 95\%$                                | $\geq 95\%$                                | Sở Nội vụ                                                                                       |
| 9  | Tỷ lệ lao động qua đào tạo                                   | 80%                                        | 90%                                        | Sở Giáo dục và Đào tạo                                                                          |
| 10 | Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ                        | $\geq 60\%$                                | $\geq 65\%$                                |                                                                                                 |
| 11 | Tỷ lệ người dân nông thôn tham gia bảo hiểm y tế             | 100%                                       | 100%                                       | Sở Y tế                                                                                         |

## Phụ lục II. Một số nhiệm vụ trọng tâm thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số ...../KH-UBND ngày ...../...../2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

| TT        | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                       | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp                                                                   | Sản phẩm/Kết quả chủ yếu                                                          | Thời gian thực hiện                 |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Hoàn thiện cơ chế, chính sách và tổ chức không gian phát triển</b>                                                                                                          |                              |                                                                                    |                                                                                   |                                     |
| 1         | Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.                                   | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Tài chính; Sở Tư pháp; các sở, ngành và UBND các xã, phường                     | Báo cáo rà soát; văn bản, chính sách được ban hành hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền | Hằng năm                            |
| 2         | Rà soát hiện trạng, tổ chức lại không gian sản xuất nông nghiệp theo vùng sinh thái; xây dựng, cập nhật bản đồ số vùng sản xuất, vùng nguyên liệu và hạ tầng phục vụ sản xuất. | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Xây dựng; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan                               | Cơ sở dữ liệu, bản đồ số và danh mục vùng sản xuất trọng điểm                     | 2026 - 2028                         |
| 3         | Rà soát, cụ thể hóa quy trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa và diện tích sản xuất nông nghiệp hiệu quả thấp theo quy định.                                    | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Tư pháp; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan                                | Hướng dẫn/quy trình và báo cáo kết quả thực hiện                                  | 2026 - 2027; cập nhật khi cần thiết |
| 4         | Rà soát, xác định khu vực không được phép chăn nuôi; xây dựng lộ trình và cơ chế hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi theo quy định.                                                  | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Tài chính; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan                              | Văn bản quy định, lộ trình và phương án hỗ trợ                                    | 2026 - 2027                         |
| <b>II</b> | <b>Phát triển sản xuất, chuỗi giá trị, OCOP, thị trường và khuyến nông</b>                                                                                                     |                              |                                                                                    |                                                                                   |                                     |
| 1         | Phát triển vùng trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp theo hướng chất lượng cao, an toàn, sinh thái, tuần hoàn, phát thải thấp và thích ứng với biến đổi khí hậu.        | Sở Nông nghiệp và Môi trường | UBND các xã, phường, doanh nghiệp, hợp tác xã và đơn vị liên quan                  | Kế hoạch, mô hình, vùng sản xuất và báo cáo kết quả                               | 2026 - 2030                         |
| 2         | Phát triển chế biến sâu, bảo quản sau thu hoạch, logistics, chợ đầu mối, kho trung chuyển và kết nối thị trường tiêu thụ nông sản.                                             | Sở Công Thương               | Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan | Kế hoạch, dự án, mô hình liên kết và hệ thống phân phối được nâng cấp             | 2026 - 2030                         |
| 3         | Triển khai Chương trình OCOP theo chiều sâu; đánh giá, phân hạng sản phẩm.                                                                                                     | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND các xã, phường               | Sản phẩm OCOP được đánh giá, phân hạng; điểm giới thiệu, quảng bá được hình thành | Hằng năm                            |

| TT         | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                             | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp                                                                                                                                                                             | Sản phẩm/Kết quả chủ yếu                                                                                                                                                             | Thời gian thực hiện |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 4          | Xây dựng Đề án Trung tâm thiết kế sáng tạo và giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề gắn với du lịch thành phố Hà Nội                                                                                                                | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Xây dựng và đơn vị liên quan                                                                                                             | Đề án/dự án và Trung tâm được hình thành, vận hành                                                                                                                                   | 2027 - 2030         |
| 5          | Xây dựng Đề án phát triển sản phẩm quà tặng thành phố Hà Nội                                                                                                                                                                                         | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Văn phòng UBND Thành phố; Sở Ngoại vụ; Sở Công Thương; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Y tế; Sở Khoa học và Công nghệ; Hiệp hội Thủ công mỹ nghệ và Làng nghề Hà Nội và đơn vị liên quan | Danh mục sản phẩm quà tặng thành phố Hà Nội                                                                                                                                          | 2026 - 2030         |
| 6          | Phát triển các Trung tâm thiết kế sáng tạo, giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP, làng nghề gắn với du lịch; các điểm giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP tại các xã, phường, làng nghề, vùng sản xuất, khu du lịch, trung tâm thương mại | Sở Công Thương               | Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Xây dựng và đơn vị liên quan; UBND các xã, phường.                                                                         | Đánh giá, công nhận các Trung tâm, điểm giới thiệu, quảng bá và không gian trải nghiệm sản phẩm OCOP tại các xã, phường, làng nghề, vùng sản xuất, khu du lịch, trung tâm thương mại | 2026 - 2030         |
| 7          | Quản lý, phát triển, bảo vệ, định giá, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ đối với sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm OCOP và đặc sản của Thành phố.                                                                                     | Sở Khoa học và Công nghệ     | Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Công Thương; UBND các xã, phường và chủ thể sản xuất                                                                                                        | Nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tài sản trí tuệ được xác lập, quản lý và khai thác                                                                                                        | 2026 - 2030         |
| 8          | Đổi mới hoạt động khuyến nông; phát triển khuyến nông số, mạng lưới khuyến nông cơ sở, tổ khuyến nông cộng đồng và nhân rộng mô hình hiệu quả.                                                                                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Trung tâm Khuyến nông Hà Nội; UBND các xã, phường, doanh nghiệp, hợp tác xã                                                                                                                  | Chương trình, tài liệu số, mô hình khuyến nông và mạng lưới hỗ trợ cơ sở                                                                                                             | Hằng năm            |
| <b>III</b> | <b>Nâng cao đời sống nông dân, phát triển nguồn nhân lực và dịch vụ xã hội</b>                                                                                                                                                                       |                              |                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                      |                     |
| 1          | Tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ thuật, quản trị kinh doanh, kinh tế hợp tác, chuyển đổi số, thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và khởi nghiệp cho nông dân và các chủ thể sản xuất.                                                                | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nội vụ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Liên minh Hợp tác xã Thành phố; UBND các xã, phường                                                                                                       | Lớp đào tạo, tài liệu, số người được tập huấn và báo cáo kết quả                                                                                                                     | Hằng năm            |

| TT        | Nhiệm vụ                                                                                                                                                  | Cơ quan chủ trì                 | Cơ quan phối hợp                                                                 | Sản phẩm/Kết quả chủ yếu                                                    | Thời gian thực hiện     |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 2         | Phát triển thị trường lao động nông thôn, kết nối cung - cầu, đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm và sinh kế bền vững cho lao động nông thôn.               | Sở Nội vụ                       | Sở Giáo dục và Đào tạo;<br>Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường     | Kế hoạch, phiên giao dịch việc làm, cơ sở dữ liệu và báo cáo kết quả        | 2026 - 2030             |
| 3         | Phát triển cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục khu vực nông thôn; đẩy mạnh chuyển đổi số, STEM, hướng nghiệp, giáo dục môi trường và kỹ năng số. | Sở Giáo dục và Đào tạo          | Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường                      | Kế hoạch/chương trình; cơ sở vật chất và hoạt động giáo dục được triển khai | 2026 - 2030             |
| 4         | Nâng cao năng lực y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn và mở rộng tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế.                                              | Sở Y tế                         | Bảo hiểm xã hội Thành phố;<br>Sở Tài chính; UBND các xã, phường                  | Kế hoạch, cơ sở vật chất y tế được nâng cấp và báo cáo chỉ tiêu             | 2026 - 2030             |
| <b>IV</b> | <b>Xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng và bảo tồn văn hóa</b>                                                                                      |                                 |                                                                                  |                                                                             |                         |
| 1         | Xây dựng, ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2026 - 2030.                                                                   | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                                             | Quyết định ban hành Bộ tiêu chí                                             | 2026                    |
| 2         | Nghiên cứu, xây dựng Bộ tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại của Thành phố.                                                                                 | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                                             | Quyết định ban hành Bộ tiêu chí                                             | 2026                    |
| 3         | Rà soát, phân nhóm xã; xây dựng lộ trình và danh mục xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại.                                         | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành và UBND các xã                                                     | Báo cáo rà soát, danh mục và lộ trình thực hiện                             | 2026; cập nhật hằng năm |
| 4         | Rà soát, lập danh mục và ưu tiên đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng sản xuất và dịch vụ thiết yếu tại khu vực nông thôn.                            | Sở Xây dựng                     | Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; các sở, ngành và UBND các xã, phường | Danh mục dự án/công trình ưu tiên và công trình được đầu tư                 | 2026 - 2030             |
| 5         | Theo dõi, đánh giá việc quản lý, khai thác và hoạt động bền vững của công trình cấp nước sạch tập trung; giám sát chất lượng nước sạch nông thôn.         | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Sở Xây dựng; Sở Y tế; UBND các xã, phường và đơn vị quản lý công trình           | Bộ chỉ số, cơ sở dữ liệu và báo cáo đánh giá hằng năm                       | Hằng năm                |
| 6         | Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở; bảo tồn, phát huy văn hóa làng xã, làng nghề và phát triển du lịch nông thôn.    | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường                                | Kế hoạch, mô hình, sản phẩm văn hóa và du lịch nông thôn                    | 2026 - 2030             |

| TT        | Nhiệm vụ                                                                                                                                                      | Cơ quan chủ trì              | Cơ quan phối hợp                                                                  | Sản phẩm/Kết quả chủ yếu                                                         | Thời gian thực hiện          |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>V</b>  | <b>Khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, môi trường và phòng, chống thiên tai</b>                                                                               |                              |                                                                                   |                                                                                  |                              |
| 1         | Tổ chức nghiên cứu, điều tra, đánh giá, dự báo xu hướng phát triển nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái và kinh tế nông thôn. | Sở Khoa học và Công nghệ     | Sở Nông nghiệp và Môi trường; Viện nghiên cứu, trường đại học và đơn vị liên quan | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ; báo cáo nghiên cứu, dự báo và đề xuất chính sách | 2026 - 2030                  |
| 2         | Xây dựng, cập nhật và kết nối cơ sở dữ liệu số về nông nghiệp, nông thôn với hệ thống dữ liệu dùng chung của Thành phố.                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, UBND các xã, phường                      | Cơ sở dữ liệu, phần mềm/nền tảng và chế độ cập nhật, khai thác dữ liệu           | 2026 - 2030                  |
| 3         | Theo dõi, đánh giá hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường đất, nước trong sản xuất nông nghiệp; cập nhật khu vực có nguy cơ ô nhiễm.                   | Sở Nông nghiệp và Môi trường | UBND các xã, phường, các đơn vị chuyên môn và cơ sở sản xuất                      | Cơ sở dữ liệu môi trường nông nghiệp; báo cáo, bản đồ nguy cơ và cảnh báo        | Hàng năm                     |
| 4         | Rà soát, xử lý các điểm ô nhiễm môi trường nông thôn, làng nghề và địa bàn chịu ảnh hưởng của khu xử lý chất thải tập trung.                                  | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Xây dựng; Sở Y tế; Sở Tài chính; UBND các xã, phường và đơn vị liên quan       | Danh mục, lộ trình xử lý; dự án/công trình và báo cáo kết quả                    | 2026 - 2030                  |
| 5         | Đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi, đê điều, tiêu thoát nước; nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai.                                        | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Xây dựng; Bộ Tư lệnh Thủ đô; Công an Thành phố; UBND các xã, phường            | Dự án/công trình; phương án, kế hoạch phòng, chống thiên tai và báo cáo kết quả  | 2026 - 2030                  |
| <b>VI</b> | <b>Theo dõi, đánh giá và tổ chức thực hiện</b>                                                                                                                |                              |                                                                                   |                                                                                  |                              |
| 1         | Hướng dẫn thống nhất danh mục chỉ tiêu, nguồn số liệu, phương pháp xác định, kỳ báo cáo, thời điểm chốt số liệu và trách nhiệm cung cấp số liệu.              | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Thông kê Thành phố; các sở, ngành và UBND các xã, phường                          | Hướng dẫn theo dõi, đánh giá và biểu mẫu báo cáo                                 | 2026; cập nhật khi cần thiết |
| 2         | Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm; sơ kết giữa kỳ và tổng kết việc thực hiện Kế hoạch.                                                            | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ngành, UBND các xã, phường, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức liên quan     | Báo cáo hàng năm; báo cáo sơ kết năm 2028; báo cáo tổng kết giai đoạn            | Hàng năm; 2028; 2030         |